

**KIỂM TRA MỘT TIẾT CHƯƠNG II ĐẠI SỐ 10**

**I. Mục tiêu:**

**Kiến thức:**

- Củng cố các kiến thức về mệnh đề, tập hợp, sai số.
- Củng cố các kiến thức về hàm số: tập xác định, chiều biến thiên, đồ thị của hàm số bậc nhất và bậc hai.

**Kỹ năng:**

- Thực hiện các phép toán về mệnh đề, tập hợp.
- Tìm tập xác định, xét chiều biến thiên và vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất và bậc hai

**Thái độ:**

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

**II. Chuẩn bị:**

Giáo viên: Giáo án, đề kiểm tra.

Học sinh: Ôn tập kiến thức chương I và chương II.

**III. Ma trận đề kiểm tra:**

**Phần 1: Trắc nghiệm khách quan**

Gồm 15 câu, mỗi câu 0.4 điểm; tổng 6.0 điểm chiếm 60%.

Bài	Số tiết	Số câu	Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tỉ lệ
			Nội dung					
Bài 1 Hàm số	2	4	TXĐ	1	1			
			Tính chẵn, lẻ		1	1		
			<b>Tổng</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	
Bài 2 Hàm số $y=ax+b$	2	4	Hàm số bậc nhất	1	1	1		
			Hàm số chứa trị tuyệt đối	1				
			<b>Tổng</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	
Bài 3 Hàm số bậc hai	3	7	Đồ thị	2	1	1	1	
			Chiều biến thiên		1	1		
			<b>Tổng</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	
<b>Tổng</b>	<b>7</b>	<b>15</b>		<b>5</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	
<b>Tỷ lệ</b>								

**II. Phần 2: Tự luận**

Gồm 2 câu: (4.0 điểm)

Câu 1. Mức độ nhận biết, thông hiểu.

Câu 2. Mức độ vận dụng, vận dụng cao.

**\*\*Đề thi**

**A. Phần trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Tập xác định của hàm số  $y = y = x^2 + 2x - 3$  là:

- A.  $\emptyset$ ;                      B.  $\mathbb{R}$ ;                      C.  $\mathbb{R} \setminus \{1; -3\}$ ;                      D.  $\{1; -3\}$

**Câu 2.** Tập xác định của hàm số  $y = \frac{x-1}{x^2-x+3}$  là:

- A.  $\emptyset$ ;                      B.  $\mathbb{R}$ ;                      C.  $\mathbb{R} \setminus \{1\}$ ;                      D.  $(1; +\infty)$

**Câu 3.** Cho hàm số:  $y = 2x^3 + 3x + 1$ . Trong các mệnh đề sau mệnh đề nào đúng?

- A.  $y$  là hàm số chẵn.                      B.  $y$  là hàm số lẻ.  
 C.  $y$  là hàm số không có tính chẵn lẻ.                      D.  $y$  là hàm số vừa chẵn vừa lẻ.

**Câu 4.** Trong các hàm số sau, hàm số nào không phải là hàm số lẻ?

- A.  $y = x^3 + 1$                       B.  $y = x^3 - x$   
 C.  $y = x^3 + x$                       D.  $y = \frac{1}{x}$

**Câu 5.** Cho hàm số  $y = ax + b$ . Với giá trị nào của  $a$  hàm số đồng biến trên  $\mathbb{R}$  ?

- A.  $a > 0$ ;                      B.  $a < 0$ ;  
 C.  $a = 0$                       D.  $a < -\frac{b}{a}$ .

**Câu 6.** Đồ thị hàm số  $y = 3x - 6$  đi qua điểm nào sau đây?

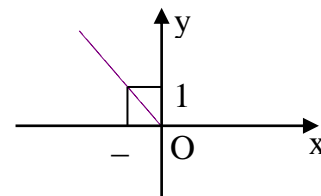
- A.  $(-2; 0)$ .                      B.  $(2; 0)$ .                      C.  $(1; -6)$ .  
 D.  $(0; -3)$ .

**Câu 7.** Tọa độ giao điểm của hai đường thẳng  $y = 3x + 5$  và  $y = -x + 2$  là:

- A.  $(7; 5)$ .                      B.  $(\frac{7}{3}; \frac{1}{3})$ .                      C.  $(-\frac{3}{4}; \frac{11}{8})$ .                      D.  $(\frac{3}{7}; -\frac{11}{7})$ .

**Câu 8.** Hình vẽ sau đây là đồ thị của hàm số nào?

- A.  $y = |x|$ ;                      B.  $y = -x$ ;  
 C.  $y = |x|$  với  $x \leq 0$ ;                      D.  $y = -x$  với  $x < 0$ .

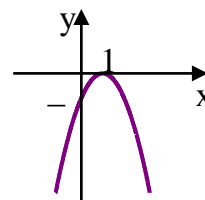


**Câu 9.** Hàm số nào sau đây có giá trị nhỏ nhất tại  $x = \frac{3}{4}$  ?

- A.  $y = 4x^2 - 3x + 1$ ;                      B.  $y = -x^2 + \frac{3}{2}x + 1$ ;  
 C.  $y = -2x^2 + 3x + 1$ ;                      D.  $y = x^2 - \frac{3}{2}x + 1$ .

**Câu 10.** Hình vẽ bên là đồ thị của hàm số nào?

- A.  $y = -x^2 + 2x$ ;                      B.  $y = -x^2 + 2x - 1$ ;  
 C.  $y = x^2 - 2x$ ;                        D.  $y = x^2 - 2x + 1$ .



**Câu 11.** Tọa độ đỉnh I của parabol (P):  $y = -x^2 + 4x$  là:

- A. I(-2; -12);                              B. I(2; 4);  
 C. I(-1; -5);                                D. I(1; 3);

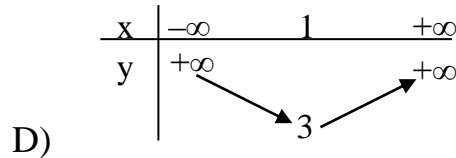
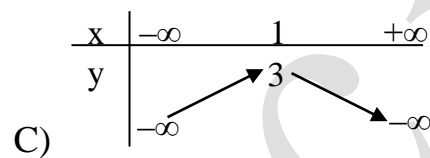
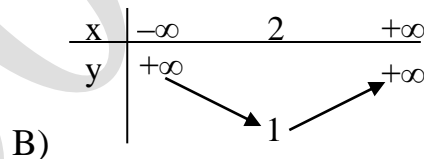
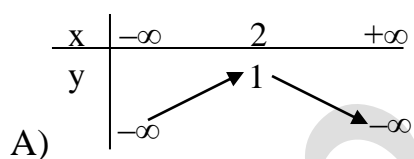
**Câu 12.** Parabol  $y = ax^2 + bx + 2$  đi qua hai điểm M(1; 5) và N(-2; 8) có phương trình là:

- A.  $y = x^2 + x + 2$                               B.  $y = x^2 + 2x + 2$   
 C.  $y = 2x^2 + x + 2$                             D.  $y = 2x^2 + 2x + 2$

**Câu 13.** Parabol  $y = ax^2 + bx + c$  đi qua A(8; 0) và có đỉnh S(6; -12) có phương trình là:

- A.  $y = x^2 - 12x + 96$                         B.  $y = 2x^2 - 24x + 96$   
 C.  $y = 2x^2 - 36x + 96$                     D.  $y = 3x^2 - 36x + 96$

**Câu 14.** Bảng biến thiên của hàm số  $y = -2x^2 + 4x + 1$  là bảng nào sau đây ?



**Câu 15.** Cho hàm số:  $y = x^2 - 2x + 3$ . Trong các mệnh đề sau, tìm mệnh đề đúng?

- A. y tăng trên  $(0; +\infty)$                       B. y giảm trên  $(-\infty; 2)$   
 C. Đồ thị của y có đỉnh I(1; 0)              D. y tăng trên  $(2; +\infty)$

**B. Phần tự luận**

**Câu 1:**

- a) (2 điểm) Tìm parabol  $y = ax^2 + bx + 2$  biết rằng parabol đi qua điểm A(3; -4) và có trục đối xứng  $x = -\frac{3}{2}$ .
- b) (2 điểm) Vẽ đồ thị hàm số vừa tìm được ở câu a.

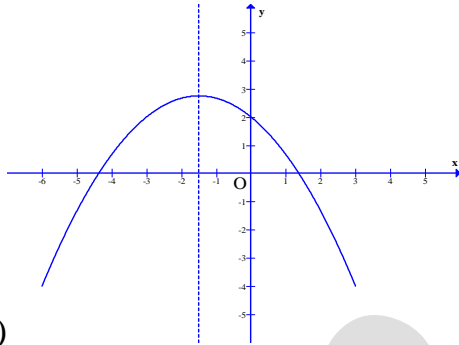
**V. ĐÁP ÁN**

**Phần I: Trắc nghiệm:**

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	B	B	C	A	A	B	C
8	9	10	11	12	13	14	15
C	D	B	B	C	B	B	D

**Phần II: Tự luận:**

**Câu 1: a)** 
$$\begin{cases} 9a + 3b + 2 = -4 \\ \frac{b}{2a} = \frac{3}{2} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} a = -\frac{1}{3} \\ b = -1 \end{cases}$$



b)